

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2019/DS - PT.

Ngày 22/01/2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến

Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLPT- DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DSST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:03/2019/QĐXXPT - DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Anh Lê Viết C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh B (có mặt)

2 - Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu Mố, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

3 - Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai anh Lê Viết C trình bày: Ngày 17/4/2017 anh có cho bà T vay số tiền là 120.000.000đ. Khi vay có viết giấy vay tiền, hẹn ngày 17/5/2017 trả, lãi suất hai bên thỏa thuận. Bà T có giao cho anh C một sổ hộ khẩu, một chứng minh nhân dân, một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà T. Ngày 13/11/2017 bà T vay tiếp 200.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận, có hợp đồng vay, có công chứng. Hạn trả là sau 45 ngày (28/12/2017). Hai lần đi vay đều có chị Đặng Thị Phương G (cháu dâu bà T) đi cùng, chị G đọc để bà T ký tên hoặc điểm chỉ. Tổng 2 lần vay là 320.000.000đ. Bà T mới trả được tiền lãi của 2 tháng đối với khoản vay đầu. Nay anh đề nghị bà T phải trả cho anh toàn bộ tiền gốc. Tiền lãi được tính theo mức 1%/tháng đối với cả 2 khoản vay. Tiền lãi đối với khoản vay

120.000.000đ được tính từ ngày 17/6/2017 đến khi xét xử. Tiền lãi đối với khoản vay 200.000.000đ được tính từ ngày 15/12/2017 đến khi xét xử.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Chị Đặng Thị Phương G là cháu dâu có nhờ bà vay hộ tiền để kinh doanh. Ngày 17/4/2017 có vay số tiền 120.000.000đ, bà có ký vào giấy vay tiền, bà có giao cho anh C một số giấy tờ như anh C đã trình bày. Ngày 13/11/2017 bà có ký và điểm chỉ vào hợp đồng vay tiền với số tiền 200.000.000đ, thực chất là tiền gốc của khoản vay 120.000.000đ + tiền lãi + khoản vay thêm (không rõ bao nhiêu vì chị G là người cầm tiền). Do không hủy giấy vay tiền nên anh C đã giữ lại và đòi cả hai khoản thì bà không đồng ý.

- Chị Đặng Thị Phương G trình bày: Chị có nhờ bà T đứng ra vay hộ tiền cho chị, chị có đi cùng nhưng không ký vào bất cứ giấy tờ gì, chỉ vay 2 lần tổng là 200.000.000đ, chị có trả lãi một vài lần nhưng không lấy giấy biên nhận.

+ Tại bản án dân sự sơ thẩm số:12/2018/DSST ngày 17/9/2018 huyện T đã áp dụng: Điều 463, 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Viết C.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho anh Lê Viết C số tiền gốc là 320.000.000đ và tiền lãi là 36.133.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 356.133.000đ. Ngoài ra bản án còn buộc anh C phải trả lại cho bà T một số giấy tờ, tuyên lãi xuất chậm trả, thực hiện bản án theo luật thi hành án, tính án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 12, 27/9/2018 và ngày 8/10/2018 bà T kháng cáo với nội dung không nhất trí bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Quan điểm về nội dung vụ án là không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức đơn kháng cáo của bà T: Đơn của ông làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ.

[2] Xét về nội dung đơn kháng cáo:

+ Bà T cho rằng bà chỉ đứng ra vay cả tiền gốc, tiền lãi là 200.000.000đ. Do bà quên không lấy lại giấy vay 120.000.000đ nên anh C đã lợi dụng mà khởi kiện đòi bà khoản tiền này. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bà T cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới, bản thân bà hai lần ký vào giấy vay mượn đều có cháu dâu là chị Phương G đi cùng, cẩn thận hơn thì lần sau lại còn được chứng thực tại phòng công chứng, vì vậy không có căn cứ nào để chấp nhận đơn kháng cáo của bà T được.

+ Đối với bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chứng cứ, tại hợp đồng vay tiền lần sau không thể hiện gì đến việc tính lãi hay liên quan gì đến số tiền vay lần đầu, không có biểu hiện gì việc bị cưỡng ép hay lừa dối, do đó bản án sơ thẩm đã buộc bà

phải hoàn trả cả tiền gốc và lãi, (với mức lãi suất 1% /tháng) cho anh C là phù hợp với pháp luật.

+ Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, thì kháng cáo của bà T không được chấp nhận, cần buộc bà T phải trả cho anh C số tiền gốc đã vay 320.000.000đ và 36.133.000đ tiền lãi là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp với pháp luật.

[4] Đối với các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét. Riêng việc tuyên lãi suất được điều chỉnh lại cho rõ hơn nhưng không cần phải ra quyết định sửa án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T kháng cáo không đ- ợc chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 463, 466, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban th- ờng vụ quốc hội.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho anh Lê Viết C số tiền gốc là 320.000.000đ, tiền lãi là 36.133.000đ. Tổng là 356.133.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

+ *Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh C có đơn đề nghị thi hành án mà bà T chưa hoàn trả được số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc xác định theo thỏa thuận của các bên nh- ng không đ- ợc v- ợt quá mức lãi suất đ- ợc quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

+ *Tr- ờng hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

+ Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001500 ngày 08/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

+ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

+ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trường Sơn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Tiến

Lê Thị Thu Huyền

Nguyễn Trường Sơn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2018/TL-TA
năm 2018

Việt Trì, ngày 21 tháng 6

TRÍCH LỤC

Bản án dân sự sơ thẩm

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/ DS - ST ngày 21 tháng 6 năm 2018,
giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Đào Thái Học**, sinh năm 1969

Địa chỉ: khu 9, xã Chu Hóa, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Ông **Trần Thạch Phước**, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu 9, xã Chu Hóa, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Áp dụng: Điều 463, 465, 466, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;
Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết
326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Thái Học.

Buộc ông Trần Thạch Phước phải trả cho ông Đào Thái Học số tiền gốc là
45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Trần Thạch Ph-ớc phải hoàn trả cho ông Đào Thái Học số tiền tạm ứng giám định là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày ông Học có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ph-ớc chậm trả tiền thì ông Ph-ớc phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t-ong ứng với thời gian chậm trả.

[3]. Về án phí: Ông Trần Thạch Ph-ớc phải chịu 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm m-oi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đào Thái Học số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ (một triệu một trăm hai m-oi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002700 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì)/.

Nơi nhận:

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT

TRÌ

- đ-ong sự.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**

-----o0o-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Việt Trì, ngày 21 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ-TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Công Cẩn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Ngọc Tường
Ông Lê Văn Hiền

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST- DS ngày 082 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 980/2018/QĐST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 1053/2018/QĐST - HPT ngày 24/5/2018 giữa các đ- ơng sự:

* Nguyên đơn: Anh **Đào Thái Học**, sinh năm 1969

Địa chỉ: khu 9, xã Chu Hóa, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Ông **Trần Thạch Phước**, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu 9, xã Chu Hóa, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thạch Phước là ông **Lê Hiếu**, sinh năm 1984, địa chỉ:..... là luật sư thuộc công ty luật trách nhiệm hữu hạn Anh Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đ- ơng sự tại phiên tòa, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án nh- sau:

[1]. Áp dụng: Điều 463, 465, 466, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban th- ờng vụ quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Thái Học.

Buộc ông Trần Thạch Ph- ớc phải trả cho ông Đào Thái Học số tiền gốc là 45.000.000đ (bốn m- ươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Trần Thạch Ph- ớc phải hoàn trả cho ông Đào Thái Học số tiền tạm ứng giám định là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày ông Học có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ph- ớc chậm trả tiền thì ông Ph- ớc phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[3]. Về án phí: Ông Trần Thạch Ph- ớc phải chịu 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm m- ươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đào Thái Học số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ (một triệu một trăm hai m- ươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002700 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....phút cùng ngày và đọc lại mọi ng- ời cùng nghe thấy đúng cùng ký tên.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

